TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 tháng 12 năm 2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên;

*Các Hội thẩm nhân dân***:** Ông Doãn Đức Hùng và ông Đặng Quang Hoạch

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Đào Duy Mạnh – Thẩm tra viên;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom – tỉnh Đồng Nai* tham gia phiên tòa**: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 636/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 636/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2018/QĐST - HNGĐ ngày 30/11/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị D, sinh năm 1985. Cư trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. (Xin vắng mặt)

- ***Bị đơn:*** Anh Mai Văn C, sinh năm 1985. Trú tại: Số 191A, Tổ 5, Ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày***:

Chị và anh Mai Văn C tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/2/2005.

Vợ chồng có 02 con chung là Mai Quang Gia B, sinh ngày 02/9/2005 và Mai Quang Gia N, sinh ngày 01/01/2011.

Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, do vậy cuộc sống chung thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Thực tế chị và anh C đã sống ly thân được 03 năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc

đến nhau và tình cảm chị dành cho anh C không còn nên chị xin được ly hôn với anh Mai Văn C.

Khi ly hôn chị đồng ý giao cả 02 con chung cho anh C trực tiếp trông nom chăm sóc và nuôi dưỡng, tạm thời chị không cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh C

Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

* ***Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn anh Mai Văn C trình bày***:

Anh và chị Trần Thị D tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/02/2005 như chị D trình bày là đúng.

Anh thừa nhận cuộc sống hôn nhân của anh và chị D không còn hạnh phúc, tuy nhiên theo anh mâu thuẫn vợ chồng xảy ra kể từ khi chị D đi lao động ở nước ngoài về và vợ chồng không còn gặp nhau đã được 03 năm. Hiện tại anh đã đưa 02 con vào xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai sinh sống và lập nghiệp. Bản thân anh vẫn còn tình cảm thương yêu chị D nên anh không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và tạm thời anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh.

Tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh cam kết vợ chồng không có nợ chung;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D; Về quan hệ hôn nhân: Cho chị D được ly hôn với anh C; Về con chung: Giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tạm thời anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét. Về án phí buộc chị D chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị D khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là anh Mai Văn C, sinh năm 1985, hiện đang cư trú tại: Số 191A, tổ 5, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh C. Tuy nhiên, anh C vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ 2 tại phiên tòa mà không có lý do; mặt khác chị C có đơn xin xét xử

vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C là hợp pháp vì các đương sự đã tự nguyện kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.1.1 Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do chị D không đồng ý đoàn tụ, anh C không đồng ý ly hôn. Cả chị D và anh C đều thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ nhau. Chị D không còn tình cảm thương yêu dành cho anh C. Căn cứ vào biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An thì vợ chồng anh C và chị D đã sống ly thân được 03 năm nay. Đồng thời anh C không thể thuyết phục được chị D trở về đoàn tụ.

2.1.2 Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau; trong khi vợ chồng chị D và anh C đã sống ly thân được 03 năm nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp thuận cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Mai Văn C.

2.2. Về con chung: Anh C yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, chị D đồng ý giao cả 02 con cho anh C nuôi dưỡng, đồng thời cả 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng anh C. Do vậy cần giao cho anh Mai Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Quang Gia B và Mai Quang Gia N. Anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các đương sự khai không có nợ C nên HĐXX không đề cập.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Mai Văn C;

2. Về con chung: Anh Mai Văn C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Mai Quang Gia B, sinh ngày 02/9/2005 và Mai Quang Gia N, sinh ngày 01/01/2011.

Tạm thời anh Mai Văn C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Trần Thị D.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số: 000885 ngày 24/8/2018. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự (2)
- VKSND huyện Trảng Bom (1)
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1)
- Chi cục THA Dân sự (1)
- UBND xã T,
(số 03 ngày 04/02/2005)
- Lưu án văn (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên